

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Khuyên

2. Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Ngọc Q, sinh năm 1989

Nơi cư trú: thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995

Nơi ĐKKH: thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi ở hiện nay: thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 22/6/2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Hoàng Ngọc Q trình bày: anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 07/3/2017, có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Lập Thạch. Kết hôn

xong, chị T về sống chung cùng gia đình anh ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị T không quan tâm đến gia đình, không tôn trọng anh; đến tháng 5/2022, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã L và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, gia đình hai bên có hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn trầm trọng nên không thể hàn gắn được. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Hoàng Mai A, sinh ngày 23/12/2017 và Hoàng Phương A1, sinh ngày 31/8/2020. Hiện nay các cháu đang ở với anh. Ly hôn, anh xin nuôi hai con chung, không yêu cầu chị T phải đóng góp nuôi con chung cùng.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị T quá trình giải quyết vụ án luôn vắng mặt, không có mặt để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương và gia đình chị T là bà Ngô Thị V (bà Vân là mẹ đẻ của chị T) cho biết: Hiện tại chị T đang sống cùng gia đình bà, đang làm công nhân, bà V không biết địa chỉ nơi chị T làm việc, chị T sáng đi tối về, các lần Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải gia đình bà Vân đều nhận được và đã gửi thông báo cho chị T. Theo bà V cho biết: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh Q không quan tâm đến chị T, không có tình cảm với chị T, vợ chồng sống cùng nhau mà như ly thân nên chị T đã bỏ về nhà bà V ở từ tháng 7/2022 cho đến nay. Trước đây chị T đã kết hôn với 01 người và đã ly hôn, sau đó mới kết hôn với anh Q; việc anh Q xin ly hôn, chị T có biết và chị T cũng đồng ý ly hôn nhưng do bận công việc và do ngại vì đã ly hôn một lần nên chị T không đến Tòa án giải quyết. Về con chung của anh chị: như anh Q trình bày là đúng và bà V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của anh Q, chị T: bà V không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của anh Quang trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho anh Q được ly hôn chị T. Về con chung: giao cho anh Q trực tiếp nuôi hai con chung, xác nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị T phải đóng góp nuôi con chung cùng. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: các bên không đề nghị nên không xem xét. Về án phí: Anh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của anh Hoàng Ngọc Q và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và gia đình là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn trong vụ án chị Nguyễn Thị T có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị T nhưng chị T không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng và chị T cũng là người trực tiếp nhận nhưng chị T vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Hoàng Ngọc Q và chị Nguyễn Thị T là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau và không bảo ban được nhau nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Xét tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến để giải quyết việc anh Q xin ly hôn nhưng chị T cố tình vắng mặt, không có lý do. Như vậy, phần nào thể hiện chị T không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của anh Q là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung của anh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của các bên là như nhau. Tuy nhiên, chị T không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có quan điểm của chị về con chung và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên thì cần giao cho anh Q trực tiếp nuôi cả hai con chung, anh Q không yêu cầu chị T phải đóng góp nuôi con chung cùng là hoàn toàn tự nguyện cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T không có mặt nên không có quan điểm và đề nghị của anh về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, khi nào chị Thảo đề nghị sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho anh Hoàng Ngọc Q được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Xử về con chung: Giao cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Hoàng Mai A, sinh ngày 23/12/2017 và cháu Hoàng Phương A1, sinh ngày 31/8/2020. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Hoàng Ngọc Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006322 ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Nga